

Số: **124** /BC-UBND

Thị xã Quảng Trị, ngày **19** tháng 6 năm 2020

## **BÁO CÁO**

Tình hình thực hiện thu, chi NSNN 6 tháng đầu năm 2020,  
Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

### **A. TÌNH HÌNH THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Thực hiện Nghị quyết của HĐND thị xã về dự toán thu chi ngân sách năm 2020, trong 6 tháng đầu năm, công tác thu chi NSNN trên địa bàn đã đạt được những kết quả như sau:

#### **I. Thu Ngân sách nhà nước: (Có phụ lục chi tiết kèm theo)**

Tổng thu Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 ước thực hiện là 173.139 triệu đồng, trong đó số thu ngân sách thị xã được hưởng là 166.897 triệu đồng đạt 73,5% dự toán năm, bao gồm các khoản thu như sau:

**1.1. Thu NSNN trên địa bàn (thu nội địa):** Ước thực hiện trong 6 tháng đầu năm là 47.720 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 43.621 triệu đồng đạt 58,9% so với dự toán năm. Nếu trừ đi khoản thu tiền sử dụng đất, thu đóng góp thì số thu từ thuế, phí và lệ phí là 16.358 triệu đồng, đạt 41,1% dự toán năm do HĐND thị xã giao.

Trong 6 tháng đầu năm, nhờ chuẩn bị tốt các phương án đấu giá quyền sử dụng đất nên số thu đạt gần 30.000 triệu đồng, bằng 76% dự toán năm. Tuy nhiên số thu ngân sách từ các sắc thuế chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên tình hình sản xuất kinh doanh của các tổ chức cá nhân trên địa bàn thị xã gặp khó khăn, vì vậy tiến độ thực hiện khoản thu ngoài quốc doanh bị giảm rõ rệt. Do đây cũng là khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách trên địa bàn, tuy nhiên số thu 6 tháng đầu năm mới đạt được 31,7% dự toán. Vì vậy đã ảnh hưởng đến tổng thu ngân sách thị xã. Mặt khác, do Chính phủ đã ban hành một số cơ chế chính sách để hỗ trợ người dân và các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn do dịch bệnh Covid-19 như gia hạn thời hạn nộp thuế, giảm tiền thuê đất, giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước... nên ngoài khoản thu thuế ngoài quốc doanh bị giảm thu, khoản thu lệ phí trước bạ cũng bị ảnh hưởng.

Để bù đắp số hụt thu, UBND thị xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác quản lý, khai thác các nguồn thu còn tiềm năng như thuế thu nhập cá nhân; thu phí, lệ phí; thu khác, nhờ vậy trong 6 tháng đầu năm các khoản thu này đã đạt và vượt tiến độ đề ra (số thu đạt từ 50 - 70%), bù đắp được một phần hụt thu từ thuế ngoài quốc doanh.

Đối với khoản thu thanh lý tài sản, UBND thị xã đã tập trung phối hợp với các sở, ban ngành cấp tỉnh để hoàn thành các quy trình, thủ tục theo quy định phục vụ cho việc bán đấu giá các trụ sở theo chủ trương của HĐND tỉnh. Hiện nay, UBND thị xã

đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai các thủ tục để tổ chức đấu giá tài sản vào đầu quý 3/2020.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý và thu nợ thuế vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: Nợ đọng thuế vẫn còn cao. Số nợ khó thu tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, giải thể, phá sản ... nên không thể cưỡng chế thu nợ dẫn đến số nợ xấu có xu hướng tăng. Ngoài ra một số hộ kinh doanh cá thể có hoạt động kinh doanh nhỏ, thời vụ chây lì không chịu hợp tác với cơ quan thuế trong việc khai nộp thuế. Hoạt động kinh doanh vận tải tư nhân và xây dựng cơ bản tư nhân vẫn còn tình trạng thất thu do ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế chưa cao.

## 1.2 Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh

Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 65.242 triệu đồng đạt 48% dự toán, bao gồm:

- Bổ sung cân đối: 49.200 triệu đồng
- Bổ sung có mục tiêu là 16.042 triệu đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ địa phương trong dự toán đầu năm là 9.582 triệu đồng; kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 675 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn châu phi là 2.221 triệu đồng; kinh phí khắc phục thiên tai 1.800 triệu đồng; kinh phí đại hội Đảng 1.600 triệu đồng; kinh phí thực hiện một số chương trình, nhiệm vụ khác 164 triệu đồng.

Tóm lại, công tác thu 6 tháng đầu năm đã có nhiều cố gắng, số thu NSNN trên địa bàn đạt 58,9% dự toán năm. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 và tác động của một số cơ chế chính sách nên công tác thu ngân sách gặp khó khăn, số thu ngân sách không tính thu sử dụng đất, thu đóng góp chỉ đạt 41,1% kế hoạch, ảnh hưởng đến cân đối, điều hành chi ngân sách.

## II. Về chi ngân sách (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Năm 2020 HĐND thị xã giao dự toán chi ngân sách là 229.435 triệu đồng. Ước thực hiện chi 6 tháng đầu năm là 131.446 triệu đồng, đạt 57,3 % so với dự toán, bao gồm:

### 1. Chi đầu tư phát triển:

Số vốn đầu tư phát triển ngân sách thị xã quản lý ước giải ngân trong 6 tháng đầu năm là 34.683 triệu đồng đạt 44,5% kế hoạch, cụ thể như sau:

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 24.179 triệu đồng, đạt 56,2% kế hoạch (trong đó đã giải ngân năm 2019 chuyển sang là 7.183 triệu đồng, chi từ nguồn thuộc kế hoạch năm 2020 là: 16.996 triệu)

- Chi từ nguồn XDCCB tập trung 2.109 triệu đồng đạt 45,8% kế hoạch (trong đó tạm ứng năm 2019 chuyển sang 122 triệu đồng)

- Chi từ nguồn NS tỉnh bổ sung 8.277 triệu đồng đạt 118,2 % dự toán đầu năm.

- Chi từ nguồn thanh lý tài sản: chưa thực hiện do chưa có nguồn.

- Chi từ nguồn khác 118 triệu đồng (đã giải ngân năm 2019 chuyển sang)

Nếu trừ đi số vốn chuyển nguồn 2019 sang (7.423 triệu đồng) thì số chi XDCCB trong 6 tháng đầu năm 2020 là: 27.260 triệu đồng, đạt 38,8% KH năm. Số chi thực hiện thấp là do đầu năm chưa thu được tiền đấu giá thanh lý tài sản nên chưa có vốn

để cấp phát. Số vốn được giải ngân chủ yếu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn XDCCB tập trung đã được bố trí để thực hiện theo dự toán từ đầu năm và vốn chuyển nguồn.

## **2. Chi thường xuyên:**

Tổng chi thường xuyên trong 6 tháng đầu năm ước thực hiện là 79.914 triệu đồng đạt 59,9% dự toán, bao gồm chi ngân sách cấp huyện là 61.754 triệu đồng, ngân sách cấp xã là 18.160 triệu đồng. Hầu hết các khoản chi đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao, trong đó các lĩnh vực chi an ninh - quốc phòng, kinh tế, hoạt động cơ quan QLNN, Đảng đoàn thể và đảm bảo xã hội có số chi tăng cao do triển khai thực hiện các nhiệm vụ phục vụ Đại hội Đảng các cấp, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn Châu phi.

Do làm tốt công tác quản lý các nguồn kinh phí từ các năm trước nên đầu năm 2020, nên mặc dù thu ngân sách gặp khó khăn nhưng thị xã cũng đã đảm bảo và chủ động được nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19 (*Trong đó: chi phục vụ công tác phòng chống dịch: 1.590 triệu đồng, chi thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP: 3.124,5 triệu đồng*) và các nhiệm vụ quan trọng khác, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn.

**3. Chi từ nguồn dự phòng:** Trong 6 tháng đầu năm UBND thị xã cũng đã xem xét quyết định trích nguồn dự phòng để chi cho các nhiệm vụ đột xuất số kinh phí là 1.918 triệu đồng, bằng 70% dự toán dự phòng ngân sách, bao gồm: chi quốc phòng 1.250 triệu, chi hoạt động cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể 142 triệu, chi sự nghiệp môi trường 39 triệu, chi sự nghiệp kinh tế là 23 triệu đồng, chi bổ sung cho ngân sách cấp xã 221 triệu, chi hỗ trợ đơn vị cấp tỉnh 242 triệu. Các nội dung chi gồm: hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn châu phi và phòng chống dịch bệnh gia súc 238 triệu đồng; kinh phí phòng chống dịch Covid – 19 1.590 triệu đồng, các nhiệm vụ khác 90 triệu đồng.

Nhìn chung ngân sách thị xã đã đảm bảo theo dự toán đầu năm đồng thời giải quyết một số khoản chi đột xuất phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội AN-QP của địa phương. Đã tập trung ngân sách chi trả kịp thời cho công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán của các cơ quan đơn vị còn nhiều, nhưng khả năng ngân sách hạn chế nên một số nhiệm vụ chưa được cấp kinh phí kịp thời. UBND thị xã sẽ tiếp tục xem xét để tìm nguồn và bổ sung trong thời gian tới.

## **III. Công tác quản lý tài chính-ngân sách**

### **1. Một số kết quả đạt được**

- Công tác quản lý thu, chi theo luật Ngân sách luôn được quan tâm chú trọng. Căn cứ nghị quyết HĐND, UBND thị xã đã ban hành quyết định giao dự toán thu chi ngân sách năm 2020 cho các cơ quan đơn vị trực thuộc đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn bám sát nhiệm vụ, tình hình thực tế để hướng dẫn triển khai thực hiện dự toán cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách địa phương. Đã đảm bảo nguồn ngân sách đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán đầu năm.

- Bên cạnh việc tập trung xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác thu ngân sách, UBND thị xã cũng đã có các giải pháp quyết liệt trong quá trình thực hiện, vì vậy việc triển khai phương án đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá tài sản cơ bản đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Đến nay đã tổ chức được 01 đợt đấu giá QSD đất với số thu gần 12,5 tỷ đồng (*Nguồn thu từ khai thác quỹ đất năm 2020 đến nay là: 28.318 triệu đồng, đạt 71,8% KH, trong đó: nguồn thu của năm 2019 chuyển sang: 15.747 triệu đồng, đấu giá ngày 30/5/2020: 12.571 triệu đồng*). Đã hoàn thành quy trình thủ tục đấu giá tài sản và quyền sử dụng đất của 04 trụ sở cơ quan (*Phòng Kinh tế, TC – KH, Trụ sở Đảng ủy, UBND phường 3, Trạm y tế phường An Đôn*) và dự kiến tổ chức đấu giá Đợt 1 trong đầu quý 3/2020

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình nhiệm vụ khác đảm bảo đúng mục đích, đối tượng. Kịp thời đảm bảo kinh phí phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và dịch bệnh gia súc trên địa bàn.

- Tích cực tham gia xây dựng các quy định về chế độ chính sách, tiêu chuẩn định mức chi tiêu tài chính, đáp ứng yêu cầu về quản lý và thực hiện chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Rà soát, thực hiện nghiêm túc việc bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác của đội ngũ kế toán các đơn vị theo quy định tại Nghị định 158/2007/NĐ-CP.

- Công tác công khai tài chính – ngân sách được chú trọng. Đã tổ chức công khai dự toán thu chi NSNN năm 2020, công khai tình hình thực hiện dự toán quý 1/2020 theo quy định hiện hành.

- Trong quý 2/2020 UBND thị xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn thành công tác xét duyệt quyết toán năm 2019 của các đơn vị dự toán đồng thời tổng hợp và hoàn thành báo cáo quyết toán thu NSNN, chi NSDP theo quy định. Trong quá trình thẩm tra xét duyệt quyết toán đã chỉ rõ những sai sót trong công tác quản lý thu chi ngân sách đồng thời yêu cầu các đơn vị sử dụng ngân sách nghiêm túc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện kết luận của thanh tra và kiểm toán nhà nước, UBND thị xã đã chỉ đạo ngành chức năng triển khai đôn đốc các cơ quan, đơn vị thu nộp các khoản chi phải thu hồi trong các đợt thanh tra, kiểm toán ngân sách. Bên cạnh đó giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn chuẩn bị cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác kiểm toán năm 2019.

## **2. Một số tồn tại hạn chế:**

- Thu thuế ngoài quốc doanh đạt tỷ lệ thấp, ảnh hưởng đến tiến độ thu ngân sách chung trên địa bàn. Một số khoản thu liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên vẫn còn tình trạng thất thu. Công tác thu nợ đọng, thu thuế vận tải tư nhân, thuế XDCB tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nên hiệu quả thu đạt thấp.

- Một số nhiệm vụ chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu (*bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình nhiệm vụ khác*) triển khai còn chậm như: kinh phí thực hiện chương trình nông thôn mới; kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế...

- Năng lực chuyên môn của một số kế toán chưa theo kịp yêu cầu về quản lý tài chính ngân sách trong điều kiện mới nên ảnh hưởng đến thời gian, tiến độ thanh quyết toán nguồn kinh phí được giao. Công tác thu thập, kiểm tra, xử lý và lập chứng từ sổ sách còn có những sai sót, hạn chế.

- Việc chấp hành các chế độ, tiêu chuẩn định mức của nhà nước tại một số đơn vị chưa tốt, công tác tự kiểm tra tài chính chưa được thực hiện thường xuyên. Công tác thực hành tiết kiệm trong tiếp khách, hội họp, sử dụng điện nước và mua sắm tài sản trang thiết bị hiệu quả chưa cao. Việc chủ động sắp xếp nhiệm vụ chi trong dự toán được giao chưa được chú trọng và chấp hành nghiêm nên vẫn còn tình trạng các đơn vị sử dụng ngân sách chi vượt dự toán đầu năm hoặc xin bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ được giao thêm, tạo áp lực lớn cho việc điều hành ngân sách.

## **B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm còn nặng nề và gặp không ít khó khăn. Các khoản thu ngoài quốc doanh thiếu ổn định, nguồn thu nhỏ, khả năng hụt thu so với dự toán giao đầu năm khoảng 3,3 tỷ đồng, hụt thu so với dự toán phân đầu là 6 tỷ đồng. Trong khi đó nhu cầu chi ngân sách là rất lớn, đặc biệt là các hoạt động phục vụ an sinh xã hội phòng chống dịch Covid-19 và kinh phí phục vụ đại hội Đảng các cấp, do đó cần quán triệt thực hành tiết kiệm, tăng cường xã hội hóa nguồn lực tài chính, khai thác mọi nguồn thu trên địa bàn và tranh thủ kịp thời sự hỗ trợ của cấp trên.

Mục tiêu là quyết tâm phấn đấu đảm bảo **đạt dự toán thu, chi ngân sách mà HĐND thị xã đã thông qua đầu năm**, vì vậy UBND thị xã tập trung vào những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo đấu giá quyền sử dụng đất từ quỹ đất đã quy hoạch để đảm bảo số thu hoàn thành vượt kế hoạch đề ra (*đạt trên 40 tỷ đồng*). Triển khai tổ chức đấu giá các trụ sở cơ quan đã được các cơ quan có thẩm quyền cho phép trong quý 3/2020 (*đạt trên 27 tỷ đồng*). Tiếp tục đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc để hoàn thành các thủ tục xin phép tổ chức đấu giá một số trụ sở cơ quan còn lại (trạm thủy văn, khu lương thực Triệu Hải...) chuẩn bị cho kế hoạch vốn năm 2021.

2. Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp hỗ trợ công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tăng cường công tác quản lý, triển khai việc thu thuế vận tải tư nhân, thuế XDCB tư nhân, phí bảo vệ môi trường để bù đắp số hụt thu đối với khoản thu khác. Rà soát, đôn đốc thu các khoản nợ thuế của các doanh nghiệp, nhất là các khoản nợ có khả năng thu trong các doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các trường hợp nợ đọng thuế kéo dài đồng thời tiếp tục việc tuyên truyền thực hiện các chính sách thuế của nhà nước, xử lý dứt điểm các khoản nợ chờ điều chỉnh tại thời điểm 31/12/2019. Rà soát để tìm tạo nguồn thu mới để bù đắp hụt thu thuế ngoài quốc doanh.

3. Điều hành ngân sách theo kế hoạch HĐND thị xã đã giao. Phấn đấu tiết kiệm chi, thực hiện cắt giảm, tạm dừng các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết theo quy định của Chính phủ. Sắp xếp các khoản chi trong dự toán được giao, ưu tiên các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chi cho con người, đảm bảo kinh phí phục vụ đại hội

Đảng các cấp, kinh phí hỗ trợ các đối tượng theo Nghị quyết 42/NQ-CP và những nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác.

4. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh đạt 100% dự toán giao.

5. Tổ chức tốt công tác thẩm định trước khi chi ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra tài chính, hướng dẫn việc thực hiện các chế độ tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách ở các đơn vị dự toán nhằm hạn chế khắc phục kịp thời những sai phạm, thiếu sót. Tập trung hướng dẫn, hỗ trợ các xã, phường trong công tác quản lý tài chính, ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

6. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán chi tiết ngân sách thị xã.

7. Xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021 báo cáo UBND tỉnh, chuẩn bị phương án giao dự toán ngân sách năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị trình HĐND thị xã tại kỳ họp cuối năm 2020.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH và dự toán thu chi ngân sách năm 2020, UBND thị xã đề nghị các ban ngành, đoàn thể, UBND các xã phường và các doanh nghiệp trên địa bàn nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao hơn nữa, thực hiện thắng lợi nghị quyết mà HĐND thị xã đã thông qua. /sp

**Nơi nhận:**

- TT Thị uỷ, TT HĐND (b/c);
- Ban KTXH HĐND;
- Chủ tịch, các PCT;
- Các đại biểu HĐND,
- Lưu TCKH, VP. *M*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Văn Ngọc Lâm**

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 124./BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG                                       | Dự toán 2020     |                  |                 | Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 |                  |                 | So sánh TH/DT(%) |              |             |
|------------|--|------------------|------------------|-----------------|------------------------------------|------------------|-----------------|------------------|--------------|-------------|
|            |  | Tổng cộng        | NS cấp huyện     | NS cấp xã       | Tổng cộng                          | NS cấp huyện     | NS cấp xã       | Tổng cộng        | NS cấp huyện | NS cấp xã   |
| <b>A</b>   | <b>CHI NGÂN SÁCH</b>                           | <b>229.435,0</b> | <b>207.793,0</b> | <b>21.642,0</b> | <b>131.446,0</b>                   | <b>113.286,0</b> | <b>18.160,0</b> | <b>57,3</b>      | <b>54,5</b>  | <b>83,9</b> |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                   | <b>74.099,0</b>  | <b>74.099,0</b>  | <b>-</b>        | <b>34.683,0</b>                    | <b>34.683,0</b>  | <b>-</b>        | <b>46,8</b>      | <b>46,8</b>  |             |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án                       | 57.224,0         | 57.224,0         | -               | 34.683,0                           | 34.683,0         | -               | 60,6             | 60,6         |             |
| -          | Chi GD -ĐT và dạy nghề                         | 2.530,0          | 2.530,0          |                 | 7.270,0                            | 7.270,0          |                 | 287,4            | 287,4        |             |
| -          | Chi Quốc phòng                                 | -                | -                |                 | -                                  | -                |                 |                  |              |             |
| -          | Chi an ninh và TTAT xã hội                     | 380,0            | 380,0            |                 | -                                  | -                |                 | 0,0              | 0,0          |             |
| -          | Chi văn hóa thông tin                          | 700,0            | 700,0            |                 | 110,0                              | 110,0            |                 |                  |              |             |
| -          | Chi thể dục thể thao                           | 400,0            | 400,0            |                 | -                                  | -                |                 |                  |              |             |
| -          | Chi bảo vệ môi trường                          | 3.284,0          | 3.284,0          |                 | 1.023,0                            | 1.023,0          |                 | 31,2             | 31,2         |             |
| -          | Chi các hoạt động kinh tế                      | 42.841,0         | 42.841,0         |                 | 24.082,0                           | 24.082,0         |                 | 56,2             | 56,2         |             |
| -          | Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể | 7.089,0          | 7.089,0          |                 | 2.098,0                            | 2.098,0          |                 | 29,6             | 29,6         |             |
| -          | Chi đảm bảo xã hội                             | -                | -                |                 | 100,0                              | 100,0            |                 |                  |              |             |
| 3          | Chi đầu tư phát triển khác                     | 16.875,0         | 16.875,0         |                 | -                                  | -                |                 | 0,0              | 0,0          |             |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                        | <b>133.317,0</b> | <b>112.098,0</b> | <b>21.219,0</b> | <b>79.914,0</b>                    | <b>61.754</b>    | <b>18.160,0</b> | <b>59,9</b>      | <b>55,1</b>  | <b>85,6</b> |
| 1          | Chi GD -ĐT và dạy nghề                         | 61.152,0         | 60.927,0         | 225,0           | 30.778,0                           | 30.658,0         | 120,0           | 50,3             | 50,3         | 53,3        |
| 2          | Chi khoa học và công nghệ                      | -                | -                |                 | -                                  | -                |                 |                  |              |             |
| 3          | Chi Quốc phòng                                 | 2.909,2          | 1.154,0          | 1.755,2         | 2.875,0                            | 1.995,0          | 880,0           | 98,8             | 172,9        | 50,1        |
| 4          | Chi an ninh và TTAT xã hội                     | 1.494,2          | 702,0            | 792,2           | 985,0                              | 535,0            | 450,0           | 65,9             | 76,2         | 56,8        |
| 5          | Chi y tế, dân số và gia đình                   | 403,0            | 403,0            | -               | 180,0                              | 180,0            | -               | 44,7             | 44,7         |             |
| +          | Chi y tế                                       | 359,0            | 359,0            |                 | 180,0                              | 180,0            |                 | 50,1             | 50,1         |             |
| +          | Chi dân số                                     | 44,0             | 44,0             |                 | -                                  | -                |                 | 0,0              | 0,0          |             |
| 6          | Chi Văn hóa thông tin                          | 2.138,6          | 1.854,0          | 284,6           | 1.247,0                            | 1.077,0          | 170,0           | 58,3             | 58,1         | 59,7        |
| 7          | Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn         | 561,0            | 561,0            |                 | 190,0                              | 190,0            |                 | 33,9             | 33,9         |             |
| 8          | Chi thể dục thể thao                           | 237,6            | 180,0            | 57,6            | 100,0                              | 70,0             | 30,0            | 42,1             | 38,9         | 52,1        |
| 9          | Chi bảo vệ môi trường                          | 7.845,0          | 7.845,0          |                 | 6.950,0                            | 6.950,0          |                 | 88,6             | 88,6         |             |
| 10         | Chi các hoạt động kinh tế                      | 9.069,9          | 8.380,0          | 689,9           | 8.080,0                            | 4.800,0          | 3.280,0         | 89,1             | 57,3         | 475,4       |
| 11         | Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể | 41.988,5         | 24.996,0         | 16.992,5        | 22.030,0                           | 12.290,0         | 9.740,0         | 52,5             | 49,2         | 57,3        |
| 12         | Chi đảm bảo xã hội                             | 5.007,0          | 4.676,0          | 331,0           | 5.989,0                            | 2.539,0          | 3.450,0         | 119,6            | 54,3         | 1042,3      |
| 13         | Chi thường xuyên khác                          | 511,0            | 420,0            | 91,0            | 510,0                              | 470,0            | 40,0            | 99,8             | 111,9        | 44,0        |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>                      | <b>3.147,0</b>   | <b>2.724,0</b>   | <b>423,0</b>    | <b>-</b>                           | <b>-</b>         | <b>-</b>        |                  |              | <b>0,0</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>Chi tạo nguồn CCTL</b>                      | <b>550,0</b>     | <b>550,0</b>     | <b>-</b>        | <b>-</b>                           | <b>-</b>         | <b>-</b>        |                  |              |             |
| <b>V</b>   | <b>Chi chuyển giao ngân sách</b>               | <b>18.322,0</b>  | <b>18.322,0</b>  | <b>-</b>        | <b>16.849,0</b>                    | <b>16.849,0</b>  | <b>-</b>        | <b>92,0</b>      | <b>92,0</b>  |             |
| 1          | Chi bổ sung cho NS cấp xã                      | 18.322,0         | 18.322,0         | -               | 14.969,0                           | 14.969,0         | -               | 81,7             | 81,7         |             |
| -          | Bổ sung cân đối                                | 17.790,0         | 17.790,0         |                 | 8.895,0                            | 8.895,0          |                 | 50,0             | 50,0         |             |
| -          | Bổ sung có mục tiêu                            | 532,0            | 532,0            |                 | 6.074,0                            | 6.074,0          |                 |                  |              |             |
| 2          | Chi nộp ngân sách cấp trên                     | -                | -                |                 | 1.880,0                            | 1.880,0          |                 |                  |              |             |

UBND THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 124.../BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG  | Dự toán 2020     |                   |                 | Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 |                   |                 | So sánh TH/DT(%) |             |             |
|------------|---|------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------|-------------|-------------|
|            |   | Tổng thu NSNN    | Trong đó thu NSDP |                 | Tổng thu NSNN                      | Trong đó thu NSDP |                 | Tổng thu NSNN    | Thu NSDP    |             |
|            |   |                  | Cấp huyện         | Cấp xã          |                                    | Cấp huyện         | Cấp xã          |                  | Cấp huyện   | Cấp xã      |
|            | <b>TỔNG THU NSDP</b>                                    | <b>235.631,0</b> | <b>207.793,0</b>  | <b>21.642,0</b> | <b>173.139,0</b>                   | <b>148.430,5</b>  | <b>18.466,5</b> | <b>73,5</b>      | <b>71,4</b> | <b>85,3</b> |
| <b>I</b>   | <b>Thu NSNN trên địa bàn</b>                            | <b>81.508,0</b>  | <b>71.992,0</b>   | <b>3.320,0</b>  | <b>47.983,0</b>                    | <b>41.608,5</b>   | <b>2.012,5</b>  | <b>58,9</b>      | <b>57,8</b> | <b>60,6</b> |
| 1          | Thu từ DNNN do địa phương quản lý                       |                  | 0,0               |                 | 178,0                              | 178,0             | 0,0             |                  |             |             |
| 2          | Thu từ khu vực kinh tế NQD                              | 26.250,0         | 24.802,0          | 1.448,0         | 8.322,0                            | 7.654,0           | 668,0           | 31,7             | 30,9        | 46,1        |
| 3          | Thuế thu nhập cá nhân                                   | 3.000,0          | 1.866,0           | 1.134,0         | 2.000,0                            | 1.187,0           | 813,0           | 66,7             | 63,6        | 71,7        |
| 4          | Thu lệ phí trước bạ                                     | 8.000,0          | 7.699,0           | 301,0           | 4.200,0                            | 3.890,0           | 310,0           | 52,5             | 50,5        | 103,0       |
| 5          | Thu phí, lệ phí   | 1.700,0          | 553,0             | 297,0           | 1.500,0                            | 645,0             | 197,0           | 88,2             | 116,6       | 66,3        |
| -          | Lệ phí môn bài  | 640,0            | 480,0             | 160,0           | 605,0                              | 478,0             | 127,0           | 94,5             |             |             |
| -          | Phí và lệ phí của TW, Tỉnh                              | 850,0            |                   | 0,0             | 658,0                              | 0,0               |                 | 77,4             |             |             |
| -          | Phí và lệ phí huyện, xã                                 | 210,0            | 73,0              | 137,0           | 237,0                              | 167,0             | 70,0            | 112,9            | 228,8       |             |
| 6          | Thuế sử dụng đất NN                                     | 10,0             | 0,0               | 10,0            | 0,0                                | 0,0               | 0,0             | 0,0              |             | 0,0         |
| 7          | Thuế sử dụng đất phi NN                                 | 158,0            | 78,0              | 80,0            | 15,0                               | 7,5               | 7,5             | 9,5              | 9,6         | 9,4         |
| 8          | Tiền thuê đất, thuê mặt nước                            | 1.200,0          | 1.200,0           |                 | 700,0                              | 700,0             | 0,0             | 58,3             | 58,3        |             |
| 9          | Thu tiền sử dụng đất                                    | 39.440,0         | 35.494,0          |                 | 30.000,0                           | 27.000,0          | 0,0             | 76,1             | 76,1        |             |
| 10         | Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước |                  | 0,0               |                 | 0,0                                | 0,0               | 0,0             |                  |             |             |
| 11         | Thu cấp quyền khai thác khoáng sản                      | 0,0              | 0,0               |                 | 0,0                                | 0,0               | 0,0             |                  |             |             |
| 12         | Thu từ hoa lợi công ích                                 |                  | 0,0               |                 | 5,0                                |                   | 5,0             |                  |             |             |
| 13         | Thu khác NS   | 1.750,0          | 300,0             | 50,0            | 800,0                              | 86,0              | 10,0            | 45,7             | 28,7        | 20,0        |
| -          | Thu tiền phạt   | 1.400,0          |                   |                 | 30,0                               | 8,0               | 8,0             | 2,1              |             |             |
| -          | Thu hồi các khoản chi năm trước                         |                  |                   |                 | 0,0                                | 0,0               | 0,0             |                  |             |             |
| -          | Thu khác còn lại  | 350,0            | 300,0             | 50,0            | 770,0                              | 78,0              | 2,0             | 1,0              | 26,0        | 4,0         |
| 14         | Thu đóng góp  |                  | 0,0               |                 | 263,0                              | 261,0             | 2,0             |                  |             |             |
| -          | Các khoản đóng góp XD cơ sở hạ tầng                     |                  |                   |                 | 0,0                                | 0,0               | 0,0             |                  |             |             |
| -          | Các khoản huy động đóng góp khác                        |                  |                   |                 | 263,0                              | 261,0             | 2,0             |                  |             |             |
| +          | Đóng góp phòng chống Covid                              |                  |                   |                 | 263,0                              | 261,0             | 2,0             |                  |             |             |
| <b>II</b>  | <b>Thu trợ cấp NS cấp trên</b>                          | <b>154.123,0</b> | <b>135.801,0</b>  | <b>18.322,0</b> | <b>80.211,0</b>                    | <b>65.242,0</b>   | <b>14.969,0</b> | <b>52,0</b>      | <b>48,0</b> | <b>81,7</b> |
| 1          | BS cân đối  | 117.009,0        | 99.219,0          | 17.790,0        | 58.095,0                           | 49.200,0          | 8.895,0         | 49,7             | 49,6        | 50,0        |
| 2          | BS mục tiêu   | 37.114,0         | 36.582,0          | 532,0           | 22.116,0                           | 16.042,0          | 6.074,0         | 59,6             | 43,9        | 1.141,7     |
| <b>III</b> | <b>Thu từ NS cấp dưới nộp lên</b>                       |                  |                   |                 | <b>1.880,0</b>                     |                   | <b>0,0</b>      |                  |             |             |
| <b>III</b> | <b>Thu chuyển nguồn</b>                                 |                  |                   |                 | <b>33.142,0</b>                    | <b>32.058,0</b>   | <b>1.084,0</b>  |                  |             |             |
| <b>IV</b>  | <b>Thu kết dư</b>                                       |                  |                   |                 | <b>9.923,0</b>                     | <b>9.522,0</b>    | <b>401,0</b>    |                  |             |             |